|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …../……. |  |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ, DỰ ÁN:**

1. Tên tổ chức kinh tế:

Điện thoại liên hệ:                         Mobile:

2. Số GPĐT/GCNĐT/GCNĐKĐT/GCNĐKDN:                                ngày cấp:

Các lần Điều chỉnh (nếu có):                                         ngày cấp:

Tóm tắt nội dung Điều chỉnh:

*Yêu cầu: Sao kèm theo các* *GPĐT/GCNĐT/GCNĐKĐT/GCNĐKDN Điều chỉnh.*

3. Chủ đầu tư (ghi rõ tên từng nhà đầu tư tham gia, tên nước /vùng lãnh thổ):

4. Trụ sở chính:

5. Tên dự án:

6. Mục tiêu hoạt động dự án:

7. Vốn đầu tư dự án:

- Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD):

- Tổng vốn góp của các nhà đầu tư (USD):

Trong đó:

+ Nhà đầu tư ……………..: góp…….. USD, bằng tiền mặt ………USD, bằng ..... USD, tỷ trọng trong tổng vốn góp;

+ Nhà đầu tư ………..…..: góp …….. USD, bằng tiền mặt ……..USD, bằng .... USD, tỷ trọng trong tổng vốn góp;

- Tiến độ góp vốn cam kết:

- Quy định ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án đầu tư và việc thực hiện các điều kiện hưởng ưu đãi.

8. Thời hạn hoạt động: ... năm

9. Địa điểm thực hiện:

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Thực hiện các thủ tục hành chính:**

- Mã số thuế: (ngày cấp)

- Thủ tục xây dựng:    Giấy phép xây dựng số:    (cấp ngày);

**2. Thực hiện vốn đầu tư (USD):**

2.1. Thực hiện góp vốn của từng nhà đầu tư:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhà đầu tư** | **Vốn góp theo GCNĐKĐT (USD)** | **Vốn đã góp (USD)** | | |
| **Tổng** | **Chi tiết** | **Ngày góp, số chứng từ** |
| 1 |  |  |  | - Tiền mặt:  - Đất:  - ……………. |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** | **…..………** | **……..…** |  |  |

2.2. Vốn huy động đã thực hiện, bao gồm: vốn vay (vay tại nước ngoài, vay công ty mẹ, vay tại tổ chức tín dụng Việt Nam) và vốn huy động khác (phát hành cổ phiếu, trái phiếu, từ khách hàng,...):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhà cho vay (thuộc nước)** | **Vốn vay (USD)** | **Ngày vay:**  **Số chứng từ:** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
|  | **Tổng** | **……………** |  |

**3. Tình hình triển khai từng mục tiêu/ hạng mục công việc, chi phí đầu tư dự án:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc, hạng mục đầu tư** | **Tiến độ cam kết theo HS /GCNĐKĐT** | **Tiến độ triển khai thực tế** | **Tổng chi phí dự kiến** | **Chi phí đã thực hiện** |
|  |  | (từ../../.... đến../../....) |  | USD | USD |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |

- Nhận xét việc triển khai dự án đã theo tiến độ cam kết chưa, nếu chậm, giải trình lý do:

**4. Sử dụng đất:**

4.1. Đất được giao và tình hình sử dụng:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tổng diện tích được chấp thuận về nguyên tắc khi cấp phép** | **Diện tích đã có quyết định cho thuê đất** | | **Diện tích đất đã sử dụng** | **Diện tích đất chưa sử dụng** |
|  | *(ha)* | *Vị trí* | *(ha)* | *(ha)* | *(ha)* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: *(Sao kèm theo các văn bản, quyết định liên quan đến đất của dự án)*

4.2. Giải trình, nêu các ý kiến liên quan về việc cho thuê và sử dụng đất, việc thực hiện tiến độ sử dụng đất, nếu chậm, nêu rõ nguyên nhân: ….……………….……………….………………..

….……………….……………….…………………………………………………………………..

**5. Công suất thiết kế, tình hình sản xuất** *(đối với các dự án sản xuất)*:

*Đơn vị tính:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm trước kế tiếp** | **Năm trước** | **Dự kiến năm báo cáo** |
| Công suất thiết kế |  |  |  |
| Sản lượng sản xuất, tổng số  Trong đó:  -  - |  |  |  |
| Sản lượng tiêu thụ, tổng số  Trong đó:  -  - |  |  |  |

**6. Tình hình kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước:**

*Đơn vị tính:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Năm trước kế tiếp** | **Năm trước** | **Lũy kế (từ khi thành lập)** |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế/(lỗ) |  |  |  |
| 2 | Nộp thuế, NSNN (tổng số phải nộp) | ………… | ……… | …………….. |
| 2.1 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp |  |  |  |
| 2.2 | - Thuế xuất nhập khẩu |  |  |  |
| 2.3 | - Thuế VAT |  |  |  |
| 2.4 | - Thuế thu nhập cá nhân |  |  |  |
| 2.5 | - Tiền thuê đất, mặt nước sông, biển |  |  |  |
| 2.6 | - Thuế, nộp NS khác (ghi tên thuế) |  |  |  |
| 2.7 | Thuế tài nguyên |  |  |  |
| ... | - ……………….. |  |  |  |
| 3. | Nộp thuế, NSNN (tổng số đã nộp) |  |  |  |
| 4. | Nộp thuế, NSNN (tổng số còn nợ đọng, quá hạn) |  |  |  |
| 5. | Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế/dự án |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |

**6. Lao động (người):**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Người VN** | **Người nước ngoài** | | |
| Số lượng | Quốc tịch | Có GP lao động |
| Nhà quản lý |  |  |  |  |  |
| Lao động kỹ thuật |  |  |  |  |  |
| Giám đốc Điều hành |  |  |  |  |  |
| Chuyên gia |  |  |  |  |  |
| **Tổng số:** | **……….** | **………..** | **………..** |  | **……….** |

**7. Tình hình cung cấp, định mức và tiêu thụ thực tế than, điện, nguyên liệu***(đối với các dự án khoáng sản, dự án sản xuất)*:

- Tình hình khai thác, cung cấp nguyên liệu chính (đá vôi, sét...):

- Tiêu hao nhiệt năng:             kcal/đơn vị sản phẩm

- Tiêu hao điện năng:              kwh/đơn vị sản phẩm

- Về đầu tư hệ thống thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện: Đã đầu tư và đưa công trình vào hoạt động (vào tháng... năm..., giá trị đầu tư: ...; công suất phát điện); Nếu chưa, khi nào thực hiện đầu tư;

**8. Tình hình chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường:**

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (số, ngày tháng quyết định, cơ quan cấp) hoặc Cam kết bảo vệ môi trường

- Mục tiêu, công suất đăng ký theo GCNĐKĐT.

- Mục tiêu, công suất thiết kế đã được cơ quan quản lý môi trường phê duyệt/xác nhận.

- Các hạng mục đầu tư xử lý chất thải, chi phí: ....

- Tình hình xử lý chất thải:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Loại chất thải*** | ***Địa điểm xả thải*** | ***Lượng xả thải*** | ***Nồng độ*** |
| I | Chất thải rắn |  |  |  |
| 1 | .... |  |  |  |
| 2 | .... |  |  |  |
| II | Chất thải lỏng |  |  |  |
| 1 | …. |  |  |  |
| 2 | .... |  |  |  |
| III | Chất thải khí |  |  |  |
| 1 | .... |  |  |  |
| 2 | .... |  |  |  |

- Đánh giá việc đáp ứng các Điều kiện về xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**III. Đánh giá chung về hoạt động của tổ chức kinh tế:**

1. Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án (đến nay và tương lai):

2. Kế hoạch triển khai dự án trong thời gian tới, nêu công việc, tiến độ thời gian:

3. Những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất xi măng, kiến nghị của tổ chức kinh tế liên quan đến chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý của nhà nước.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận: - …** | ...., ngày …….tháng .... năm .... **Tổng giám đốc/Giám đốc** (Ký tên và đóng dấu (nếu có)) |